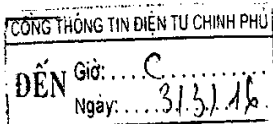


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 28 tháng 3 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cảng biển do Bộ đội Biên phòng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với:

a) Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, đồn Biên phòng cửa khẩu cảng và trạm Biên phòng cửa khẩu cảng thuộc đồn Biên phòng (sau đây gọi chung là Biên phòng cửa khẩu cảng);

b) Chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi chung là người làm thủ tục); các tổ chức, cá nhân Việt Nam, nước ngoài có liên quan trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

c) Tàu, thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; tàu, thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng (bao gồm cả các tàu thăm dò, khai thác, dịch vụ dầu khí hoạt động ngoài khơi; tàu biển nước ngoài được Bộ Giao thông vận tải cấp giấy phép vận tải nội địa; tàu, thuyền thuộc sở hữu của Việt Nam mang cờ quốc tịch nước ngoài);

d) Tàu, thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu, thuyền vận chuyển chất phóng xạ; tàu, thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, văn hóa, thể thao, xây dựng công trình biển, khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác về môi trường trong vùng biển Việt Nam sau khi có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tàu, thuyền đến cảng.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tàu, thuyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật Việt Nam; tàu cá Việt Nam; tàu, thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa; tàu, thuyền nước ngoài vì lý do khẩn cấp xin vào tránh, trú bão hoặc bị tai nạn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là thủ tục biên phòng điện tử) là các thủ tục biên phòng, trong đó người làm thủ tục khai báo và Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng cho tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Thủ tục quá cảnh, chuyển cảng chỉ áp dụng cho tàu thuyền nước ngoài.

Thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh áp dụng chung cho cả tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài.

2. Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là Cổng thông tin) là điểm truy cập trên môi trường mạng, tích hợp các thông tin, các dịch vụ và ứng dụng, phục vụ cho việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

3. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển là hệ thống thiết bị, phần mềm và cơ sở dữ liệu do Bộ đội Biên phòng quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

4. Bản khai điện tử là biểu mẫu tờ khai dưới dạng điện tử mà người làm thủ tục phải khai báo khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

5. Hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là hồ sơ điện tử) là tập hợp các bản khai điện tử mà người làm thủ tục phải khai báo khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử, bao gồm: Bản khai chung; Danh sách thuyền viên; Danh sách hành khách (nếu có); Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có); Bản khai người trốn trên tàu (nếu có).

6. Khai báo thủ tục biên phòng điện tử là việc người làm thủ tục sử dụng mạng internet thực hiện khai báo các bản khai điện tử và gửi hồ sơ điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin.

7. Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử là việc Biên phòng cửa khẩu cảng sử dụng mạng internet và mạng nội bộ để tiếp nhận, kiểm tra, xử lý thông tin, gửi thông báo kết quả hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin.

8. Hồ sơ giấy là tập hợp các loại giấy tờ mà người làm thủ tục phải nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

9. Từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử là việc Biên phòng cửa khẩu cảng gửi thông báo cho người làm thủ tục về việc chuyển hình thức thực hiện thủ tục biên phòng qua Cổng thông tin sang hình thức kiểm tra, thực hiện thủ tục biên phòng trực tiếp tại tàu, thuyền.

10. Tàu, thuyền chuyển cảng là tàu, thuyền mang cờ quốc tịch nước ngoài (bao gồm cả tàu, thuyền thuộc sở hữu của Việt Nam mang cờ quốc tịch nước ngoài) đã làm thủ tục nhập cảnh tại một cảng biển của Việt Nam sau đó di chuyển đến một cảng biển khác trong nước.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

Phải đảm bảo sự bình đẳng, an toàn, công khai, minh bạch, nhanh chóng, thuận tiện và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về giao dịch điện tử và xuất nhập cảnh và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 5. Xác nhận hoàn thành và từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Biên phòng cửa khẩu cảng xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng trên cơ sở khai báo thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục.

2. Biên phòng cửa khẩu cảng từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử vì các lý do:

- a) Quốc phòng, an ninh;
- b) Các lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội hoặc vì lý do đảm bảo an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- c) Tàu, thuyền có dấu hiệu rõ ràng vi phạm pháp luật;
- d) Người làm thủ tục khai báo thủ tục biên phòng điện tử không đầy đủ, không chính xác.

Điều 6. Nội dung thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

1. Thủ tục biên phòng điện tử được thực hiện 24/24 giờ hàng ngày. Khi Cổng thông tin được kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, người làm thủ tục thực hiện khai báo các bản khai điện tử và gửi hồ sơ điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng, tiếp nhận xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các quy định về thủ tục điện tử đối với tàu, thuyền vào rời cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố (thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu, đường truyền kết nối tại hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển bị hỏng, bị lỗi), người làm thủ tục thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển qua Cổng thông tin.

2. Khuôn dạng các bản khai điện tử do Bộ Quốc phòng quy định. Nội dung các bản khai điện tử phải thống nhất với nội dung các bản khai giấy theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý cảng biển và luồng hàng hải và các bản khai tương ứng đăng tải trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Tàu, thuyền nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đến sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử và thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển:

- a) Được phép thực hiện các hoạt động phục vụ xếp, dỡ hàng hoá và các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch;

b) Thuyền viên thuộc tàu, thuyền đó được phép đi bờ ngay sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cảng. Việc đi bờ của thuyền viên thực hiện theo các quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 44 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Điều 18 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

4. Sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử, tàu, thuyền xuất cảnh, chuyển cảng đi

a) Tiếp tục được thực hiện các hoạt động phục vụ xếp, dỡ hàng hóa và các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch cho đến khi rời cảng;

b) Trường hợp có sự thay đổi về thuyền bộ hoặc vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam phải xử lý thì phải làm lại thủ tục biên phòng. Tàu, thuyền chỉ được phép rời cảng khi mọi vấn đề liên quan đến con tàu, thuyền viên, hành khách, hàng hóa đã được xử lý, giải quyết xong.

5. Sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử, người làm thủ tục phải nộp và xuất trình các loại giấy tờ theo thời hạn quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Quyết định này như sau:

a) Đối với tàu, thuyền nhập cảnh:

- Giấy tờ phải nộp (01 bản chính): Bản khai chung; Danh sách thuyền viên; Danh sách hành khách (nếu có); Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có); Bản khai người trốn trên tàu (nếu có).

- Giấy tờ phải xuất trình (bản chính): Sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của thuyền viên; hộ chiếu của hành khách (nếu có).

b) Đối với tàu, thuyền xuất cảnh:

- Giấy tờ phải nộp (01 bản chính): Bản khai chung; Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi so với khi nhập cảnh); Danh sách hành khách (nếu có thay đổi so với khi nhập cảnh); Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có thay đổi so với khi nhập cảnh).

- Giấy tờ phải xuất trình (bản chính): Sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của thuyền viên; hộ chiếu của hành khách (nếu có).

c) Đối với tàu, thuyền quá cảnh: Tại cửa khẩu cảng nhập cảnh thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này, tại cửa khẩu cảng xuất cảnh thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản này.